



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
*BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM, JSC.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 1910/BIDV-TK&QHCD
CBTT Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng
lẻ và TB thay đổi số lượng cổ phiếu có
quyền biểu quyết

*Re: Result of the private placement of
shares and notification of change in the
number of voting shares*

*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026
Hanoi, march 25th 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG **EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC.* (BIDV)

- Mã chứng khoán/*Stock code*: BID

- Địa chỉ/*Address*: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội/*BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai road, Hoan Kiem district, Ha Noi*

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (84-24) 2220 5544

Fax: (84-24) 2220 0399

- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố thông tin kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và TB thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết như đính kèm.

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) announced the results of the private placement of shares and the notification of change in the number of voting shares as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 25/03/2026 tại đường dẫn <https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu/This> information was published on the Bank's website on 25/03/2026 as in the links <https://www.bidv.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/*As above;*
- Lưu TK&QHCD, VP/ *Archive:*
Secretariat & Investor Relations,
BIDV Office.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION
SENIOR EXECUTIVE VICE PRESIDENT**



Trần Long



Số: 205/NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("Luật Doanh Nghiệp");

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("Luật Chứng Khoán");

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 440/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 26/4/2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 197/2026/NQ-ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 17/3/2026;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/NQ-BIDV ngày 13/01/2026 v/v phê duyệt triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 92/NQ-BIDV ngày 06/02/2026 v/v phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 93/NQ-BIDV ngày 06/02/2026 v/v phê duyệt thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Căn cứ Văn bản số 2090/UBCK-QLCB ngày 17/3/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BIDV;



Căn cứ đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 407/TTr-TK&QHCD ngày 25/3/2026 về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ với các nội dung như sau:

1. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Mã cổ phiếu: BID)

2. Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán: 7.021.361.917 cổ phiếu.

3. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 263.328.293 cổ phiếu.

4. Tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối: 258.703.293 cổ phiếu, tương ứng 98,24% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Nhà đầu tư trong nước: 142.770.293 cổ phiếu;

- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 115.933.000 cổ phiếu

5. Giá chào bán:

- Giá bán thấp nhất: 38.900 đồng/cổ phiếu.

- Giá bán cao nhất: 38.900 đồng/cổ phiếu.

- Giá bán bình quân gia quyền: 38.900 đồng/ cổ phiếu.

6. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 10.063.558.097.700 đồng.

7. Ngày kết thúc đợt chào bán: Ngày 24/3/2026.

8. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Thông qua Danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu của đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Thông qua việc thực hiện các thủ tục thay đổi mức Vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tương ứng mức vốn điều lệ được tăng thêm từ đợt chào bán.

Điều 4. Thông qua việc đăng ký cổ phiếu bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng số cổ phiếu chào bán thành công.

Điều 5. Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật triển khai Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ

với các cơ quan có thẩm quyền, thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành, thực hiện thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các công việc có liên quan khác để hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật và quy định của BIDV.

Nơi nhận: (106)

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Người phụ trách quản trị công ty;
- Lưu: VP, TK&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đức Tú

PHỤ LỤC: DANH SÁCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
(đính kèm Nghị quyết số ..205...../NQ-BIDV ngày 25/3/2026)

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	0101992921	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	38.659.793	89.974.293	128.634.086	1,767%
2	VIAC (NO 1) LIMITED PARTNERSHIP	T10LP0056H	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	153.912	6.688.000	6.841.912	0,094%
3	Oman Investment Authority	CD9225	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	6.688.000	6.688.000	0,092%
4	DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund IV (USD) LP	CE2262	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	2.700.000	2.700.000	0,037%
5	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM), trong đó SSIAM nhận ủy thác của 02 nhà đầu tư ủy thác để đăng ký mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ của BIDV, cụ thể:	102333992	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	8.029.000 (*)	8.029.000	0,110%
5.1	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán SSI	301955155	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	1.300.000	1.300.000	0,018%
5.2	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ WealthOne	109861448	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	6.729.000	6.729.000	0,092%

¹ Số lượng cổ phiếu trước đợt chào bán dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
6	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SÀI GÒN – HÀ NỘI (BSH)	CD9445	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	400.000	400.000	0,005%
7	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM (DBV)	CD8304	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	200.000	200.000	0,003%
8	Principal Asset Management Co., Ltd	CB0602	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	3.000.000	3.000.000	0,041%
9	Tianhong Vietnam Thematic Fund (QDII)	CC3387	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	1.935.323	2.000.000	3.935.323	0,054%
10	Darasol Investments Limited	CD1749	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	13.400.000	13.400.000	0,184%
11	KITMC Worldwide China Vietnam Fund	CS2812	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	45.000	94.000	139.000	0,002%
12	KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	CS2103	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	2.487.255	2.200.000	4.687.255	0,064%
13	KIM Vietnam Growth Equity Fund	CA8602	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	3.494.168	6.200.000	9.694.168	0,133%
14	TMAM Vietnam Equity Mother Fund	CB7291	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	3.729.068	2.300.000	6.029.068	0,083%

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
15	KIM PMAA Vietnam Securities Investment Trust 1 (Equity)	CD6902	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	500.000	500.000	0,007%
16	KIM Vietnam Equity Private Investment Trust 1	CE1750	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	49.000	200.000	249.000	0,003%
17	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	13 GP/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	14.800.000	14.800.000	0,203%
18	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	CS9767	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	200.000	200.000	0,003%
19	Vietnam Holding Limited	CS1077	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	1.400.000	1.400.000	0,019%
20	Dynam Vietnam Sustainable Growth Fund	CD2065	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	700.000	700.000	0,010%
21	Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam	51GP/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	170.000	170.000	0,002%
22	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Chubb Việt Nam	33/GPĐC13/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	130.000	130.000	0,002%
23	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	15GP/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	10.276.498	8.167.000	18.443.498	0,253%

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
24	Eastspring Investments	CS5892	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	21	263.000	263.021	0,004%
25	Vietnam Enterprise Investments Limited	C00003	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	60.675.515	19.500.000	80.175.515	1,101%
26	Amersham Industries Limited	C00059	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	775.000	19.500.000	20.275.000	0,279%
27	Hanoi Investments Holdings Limited	CB2317	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	15.726.804	27.000.000	42.726.804	0,587%
28	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc	31/GCN-UBCK	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	8.000.000	8.000.000	0,110%
29	Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	05/GCN-UBCK	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	12.300.000	12.300.000	0,169%
30	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC	06/GCN-UBCK	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	266.900	1.200.000	1.466.900	0,020%
31	Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]	CA7351	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	2.000.851	800.000	2.800.851	0,038%
Tổng cộng					140.275.108	258.703.293	398.978.401	5,48%

(*) Số lượng cổ phiếu được phân phối thực tế cho Nhà đầu tư có thay đổi so với số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối tại Nghị Quyết HĐQT số 92/NQ-BIDV ngày 06/02/2026, do sau quá trình đàm phán, Nhà đầu tư đã đàm phán mua ít hơn số lượng dự kiến ban đầu.



Số: 1897/BC-BIDV

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
- Tên viết tắt: BIDV
- Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84.24) 22205544 Fax: (84.24) 22200399
Website: www.bidv.com.vn
- Vốn điều lệ: 70.213.619.170.000 đồng (theo Quyết định số 1752/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/04/2025 về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, và được cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/06/2024).
- Mã cổ phiếu: BID
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở giao dịch Ngân hàng nhà nước
Số hiệu tài khoản: 111929
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. (1). Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; (2). Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài theo quy định pháp luật; (3). Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; e) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận. (4). Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; (5). Cung ứng các phương tiện thanh

toán; (6). Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; c) Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (7). Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định pháp luật; (8). Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; (9). Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tiền gửi tại NHNN Việt Nam b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác c) Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; (10). Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán: a) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; b) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; (11). Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác; (12). Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; (13a). Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định; (13b). Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; (14). Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN Việt Nam; (15). Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; c) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; d) Cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ; đ) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định của pháp luật; e) Hoạt động mua nợ; g) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ; i) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch Chứng khoán; k) Ngân hàng giám sát theo pháp luật chứng khoán; (16). Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

Mã ngành: 6419

- Sản phẩm/dịch vụ chính: thực hiện các hoạt động ngân hàng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng các phương tiện thanh toán; cung ứng các dịch vụ thanh toán; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; mở tài khoản; tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán; góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác; tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng

Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại như dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ; lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng; hoạt động mua nợ; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; cung cấp hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán ngân hàng giám sát và các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại và các hoạt động kinh doanh khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo quy định của pháp luật.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23/04/2012 và các Quyết định sửa đổi bổ sung (Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015 v/v bổ sung nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV; Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017 v/v sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV; Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/04/2018 v/v bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV; Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/05/2018 v/v sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV; Quyết định số 1506/QĐ-NHNN ngày 27/09/2021 về việc sửa đổi địa chỉ Trụ sở chính của BIDV; Quyết định số 155/QĐ-NHNN ngày 16/02/2022 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV; Quyết định số 466/QĐ-NHNN về việc bổ sung nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV; Quyết định số 2438/QĐ-NHNN ngày 26/12/2023, Quyết định số 115/QĐ-NHNN ngày 17/01/2025; Quyết định số 1752/QĐ-NHNN ngày 15/04/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Quyết định số 884/QĐ-QLGS2 ngày 13/5/2025 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Quyết định số 2289/QĐ-QLGS2 ngày 05/9/2025 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ hiện hành của Ngân hàng

3. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo cổ phiếu ưu đãi (*trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền*): Không áp dụng
4. Số lượng cổ phiếu chào bán: 263.328.293 cổ phiếu.
5. Giá chào bán:
 - Giá chào bán cao nhất: 38.900 đồng/cổ phiếu.
 - Giá chào bán thấp nhất: 38.900 đồng/cổ phiếu.
6. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
7. Tổng số tiền huy động dự kiến: 10.243.470.597.700 đồng.
8. Ngày kết thúc đợt chào bán: Ngày 24/3/2026

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 258.703.293 cổ phiếu, tương ứng 98,24% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:
 - Nhà đầu tư trong nước: 142.770.293 cổ phiếu;
 - Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 115.933.000 cổ phiếu.
2. Giá bán:
 - Giá bán thấp nhất: 38.900 đồng/cổ phiếu.
 - Giá bán cao nhất: 38.900 đồng/cổ phiếu.
 - Giá bán bình quân gia quyền: 38.900 đồng/cổ phiếu.
3. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 10.063.558.097.700 đồng.
4. Tổng chi phí dự kiến: 42.645.649.808 đồng.
 - Phí phân phối cổ phiếu dự kiến: 0 đồng.
 - Chi phí khác dự kiến: 42.645.649.808 đồng.
5. Tổng thu ròng dự kiến từ đợt chào bán: 10.020.912.447.892 đồng.

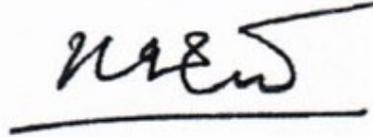
IV. DANH SÁCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA CỔ PHIẾU: Theo Phụ lục đính kèm

V. Tài liệu gửi kèm

1. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số 262-2026/CSO-CS/TCB ngày 24/3/2026 về số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BIDV tại tài khoản phong tỏa;

2. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 205/NQ-BIDV ngày 25/3/2026 về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. 

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



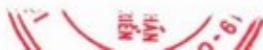
Lê Ngọc Lâm

31508
ÂN HÀNG
G MẠI CỐT
Ư VÀ PHÁT T
VIỆT NAM
P. HÀ N

PHỤ LỤC: DANH SÁCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
(đính kèm Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 25/3/2026)

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	0101992921	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	38.659.793	89.974.293	128.634.086	1,767%
2	VIAC (NO 1) LIMITED PARTNERSHIP	T10LP0056H	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	153.912	6.688.000	6.841.912	0,094%
3	Oman Investment Authority	CD9225	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	6.688.000	6.688.000	0,092%
4	DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund IV (USD) LP	CE2262	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	2.700.000	2.700.000	0,037%
5	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM), trong đó SSIAM nhận ủy thác của 02 nhà đầu tư ủy thác để đăng ký mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ của BIDV, cụ thể:	102333992	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	8.029.000 (*)	8.029.000	0,110%
5.1	<i>Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán SSI</i>	301955155	<i>Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp</i>	<i>NDT trong nước</i>	-	<i>1.300.000</i>	<i>1.300.000</i>	<i>0,018%</i>
5.2	<i>Công Ty Cổ Phần Công Nghệ WealthOne</i>	109861448	<i>Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp</i>	<i>NDT trong nước</i>	-	<i>6.729.000</i>	<i>6.729.000</i>	<i>0,092%</i>

¹ Số lượng cổ phiếu trước đợt chào bán dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp



STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
6	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SÀI GÒN – HÀ NỘI (BSH)	CD9445	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	400.000	400.000	0,005%
7	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM (DBV)	CD8304	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	200.000	200.000	0,003%
8	Principal Asset Management Co., Ltd	CB0602	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	3.000.000	3.000.000	0,041%
9	Tianhong Vietnam Thematic Fund (QDII)	CC3387	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	1.935.323	2.000.000	3.935.323	0,054%
10	Darasol Investments Limited	CD1749	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	-	13.400.000	13.400.000	0,184%
11	KITMC Worldwide China Vietnam Fund	CS2812	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	45.000	94.000	139.000	0,002%
12	KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	CS2103	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	2.487.255	2.200.000	4.687.255	0,064%
13	KIM Vietnam Growth Equity Fund	CA8602	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	3.494.168	6.200.000	9.694.168	0,133%
14	TMAM Vietnam Equity Mother Fund	CB7291	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	3.729.068	2.300.000	6.029.068	0,083%

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
15	KIM PMAA Vietnam Securities Investment Trust 1 (Equity)	CD6902	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	500.000	500.000	0,007%
16	KIM Vietnam Equity Private Investment Trust 1	CE1750	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	49.000	200.000	249.000	0,003%
17	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	13 GP/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	14.800.000	14.800.000	0,203%
18	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	CS9767	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	200.000	200.000	0,003%
19	Vietnam Holding Limited	CS1077	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	1.400.000	1.400.000	0,019%
20	Dynam Vietnam Sustainable Growth Fund	CD2065	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT nước ngoài	-	700.000	700.000	0,010%
21	Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam	51GP/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	170.000	170.000	0,002%
22	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Chubb Việt Nam	33/GPĐC13/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	-	130.000	130.000	0,002%
23	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	15GP/KDBH	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NDT trong nước	10.276.498	8.167.000	18.443.498	0,253%

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) ¹	Số lượng cổ phiếu được phân phối (cổ phiếu)	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
24	Eastspring Investments	CS5892	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	21	263.000	263.021	0,004%
25	Vietnam Enterprise Investments Limited	C00003	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	60.675.515	19.500.000	80.175.515	1,101%
26	Amersham Industries Limited	C00059	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	775.000	19.500.000	20.275.000	0,279%
27	Hanoi Investments Holdings Limited	CB2317	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	15.726.804	27.000.000	42.726.804	0,587%
28	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc	31/GCN-UBCK	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	8.000.000	8.000.000	0,110%
29	Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	05/GCN-UBCK	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	-	12.300.000	12.300.000	0,169%
30	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC	06/GCN-UBCK	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT trong nước	266.900	1.200.000	1.466.900	0,020%
31	Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]	CA7351	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	NĐT nước ngoài	2.000.851	800.000	2.800.851	0,038%
Tổng cộng					140.275.108	258.703.293	398.978.401	5,48%

(*) Số lượng cổ phiếu được phân phối thực tế cho Nhà đầu tư có thay đổi so với số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối tại Nghị Quyết HĐQT số 92/NQ-BIDV ngày 06/02/2026, do sau quá trình đàm phán, Nhà đầu tư đã đàm phán mua ít hơn số lượng dự kiến ban đầu.



Số: 1898/TB-BIDV

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Mã chứng khoán: BID
- Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84.24) 22205544 Fax: (84.24) 22200399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn
- Website: www.bidv.com.vn

TT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	70.213.619.170.000	2.587.032.930.000	72.800.652.100.000	BIDV hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
2	Tổng số cổ phiếu	7.021.361.917	258.703.293	7.280.065.210	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-	-	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	7.021.361.917	258.703.293	7.280.065.210	
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/ khác (nếu có)	-	-	-	

Nơi nhận: ... bản

- Như trên;
- Lưu: VT, TK&QHCD

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Ngọc Lâm



Hanoi, day 25 month 3 year 2026

No.: 205 /NQ-BIDV

RESOLUTION

On approval of the results of the private placement of shares

BOARD OF DIRECTORS

BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM

Pursuant to the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on January 18, 2024;

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020 and guiding, amending and supplementing documents (“Law on Enterprises”);

Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019 and guiding, amending and supplementing documents (“Law on Securities”);

Pursuant to the Charter on organization and operation of the Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC;

Pursuant to the Regulation on organization and operation of the Board of Directors of the Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC;

Pursuant to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2025 No. 440/2025/NQ-ĐHĐCĐ of the Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC dated April 26, 2025;

Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 197/2026/NQ-ĐHĐCĐ of the Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC dated March 17, 2026;

Pursuant to the Resolution of the Board of Directors No. 32/NQ-BIDV dated January 13, 2026 on approving the implementation of the private placement plan;

Pursuant to the Resolution of the Board of Directors No. 92/NQ-BIDV dated February 6, 2026 on approving adjustments to certain contents of the private placement plan for investors;

Pursuant to the Resolution of the Board of Directors No. 93/NQ-BIDV dated February 6, 2026 on approving the application dossier for private placement of shares;

Pursuant to Official Letter No. 2090/UBCK-QLCB dated March 17, 2026 of the State Securities Commission regarding the registration dossier for private placement of shares of BIDV;

Pursuant to the proposal of the Executive Board in Submission No. 407/TTr-TK&QHCD dated 25/3/2026 on approval of the results of the private placement of shares;

Pursuant to the minutes summarizing opinions of members of the Board of Directors of the Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC,

RESOLVES:

Article 1. Approval of the results of the private placement of shares with the following contents:

1. Name of shares offered: Shares of the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (Stock code: BID)

2. Number of shares before the offering: 7,021,361,917 shares.

3. Number of shares registered for offering: 263,328,293 shares.

4. Total number of shares distributed: 258,703,293 shares, equivalent to 98.24% of the total shares offered, of which:

- Domestic investors: 142,770,293 shares;

- Foreign investors, economic organizations with foreign investors holding over 50% of charter capital: 115,933,000 shares

5. Offering price:

- Lowest price: VND 38,900/share.

- Highest price: VND 38,900/share.

- Weighted average price: VND 38,900/share.

6. Total proceeds from the offering: VND 10,063,558,097,700.

7. End date of the offering: March 24, 2026.

8. Transfer restriction period: Shares offered to professional securities investors shall be restricted from transfer and trading for 01 year from the end date of the offering, except for transfers between professional securities investors or in accordance with legally effective court judgments/decisions, arbitral awards, or inheritance as prescribed by law.

Article 2. Approval of the list of investors participating in purchasing shares in the private placement attached as Appendix to this Resolution.

Article 3. Approval of the implementation of procedures to adjust the Charter Capital of the Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC with competent state authorities corresponding to the increased charter capital from the offering.

Article 4. Approval of the registration of additional shares at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and additional listing of shares at the Ho Chi Minh City Stock Exchange corresponding to the successfully offered shares.

Article 5. The Board of Directors assigns and authorizes the Chief Executive Officer, concurrently the legal representative, to implement the report on the results of the private placement with competent authorities, notify changes in the number of outstanding voting shares, carry out procedures for additional securities registration at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and additional listing at the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and other related tasks to complete the private placement in accordance with applicable laws and the Bank's Charter.

Article 6. Effectiveness

This Resolution takes effect from the date of signing. Members of the Board of Directors, Supervisory Board, Board of Management, and relevant units and individuals are responsible for implementing this Resolution in accordance with the law and BIDV's regulations.

Recipients:

- Board of Directors;
- Supervisory Board;
- Board of Management;
- Company Secretary;
- Archive: Office, Secretariat & IR.

**ON BEHALF OF THE BOARD
OF DIRECTORS
CHAIRMAN**

Phan Duc Tu

APPENDIX: LIST OF INVESTORS AND THEIR OWNERSHIP RATIO IN THE PRIVATE PLACEMENT

(attached Resolution No. 205/NQ-BIDV dated March 25, 2026)

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
1	State Capital Investment Corporation (SCIC)	0101992921	Professional securities investor	Domestic investor	38,659,793	89,974,293	128,634,086	1.767%
2	VIAI (NO 1) LIMITED PARTNERSHIP	T10LP0056H	Professional securities investor	Foreign investor	153,912	6,688,000	6,841,912	0.094%
3	Oman Investment Authority	CD9225	Professional securities investor	Foreign investor	-	6,688,000	6,688,000	0.092%
4	DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund IV (USD) LP	CE2262	Professional securities investor	Foreign investor	-	2,700,000	2,700,000	0.037%
5	SSI Asset Management Company Limited (SSIAM), in which SSIAM receives entrustment from 02 entrusting investors to register for purchasing privately placed shares of BIDV, specifically:	102333992	Professional securities investor	Domestic investor	-	8,029,000 (*)	8,029,000	0.110%
5.1	<i>SSI Securities Corporation</i>	<i>301955155</i>	<i>Professional securities investor</i>	<i>Domestic investor</i>	<i>-</i>	<i>1,300,000</i>	<i>1,300,000</i>	<i>0.018%</i>
5.2	<i>WealthOne Technology Joint Stock Company</i>	<i>109861448</i>	<i>Professional securities investor</i>	<i>Domestic investor</i>	<i>-</i>	<i>6,729,000</i>	<i>6,729,000</i>	<i>0.092%</i>

¹ The number of shares prior to the offering is based on the shareholder list as of 31 December 2025 provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
6	SAIGON – HANOI INSURANCE CORPORATION (BSH)	CD9445	Professional securities investor	Foreign investor	-	400,000	400,000	0.005%
7	INSURANCE GROUP JOINT STOCK COMPANY (DBV)	CD8304	Professional securities investor	Foreign investor	-	200,000	200,000	0.003%
8	Principal Asset Management Co., Ltd	CB0602	Professional securities investor	Foreign investor	-	3,000,000	3,000,000	0.041%
9	Tianhong Vietnam Thematic Fund (QDII)	CC3387	Professional securities investor	Foreign investor	1,935,323	2,000,000	3,935,323	0.054%
10	Darasol Investments Limited	CD1749	Professional securities investor	Foreign investor	-	13,400,000	13,400,000	0.184%
11	KITMC Worldwide China Vietnam Fund	CS2812	Professional securities investor	Foreign investor	45,000	94,000	139,000	0.002%
12	KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	CS2103	Professional securities investor	Foreign investor	2,487,255	2,200,000	4,687,255	0.064%
13	KIM Vietnam Growth Equity Fund	CA8602	Professional securities investor	Foreign investor	3,494,168	6,200,000	9,694,168	0.133%
14	TMAM Vietnam Equity Mother Fund	CB7291	Professional securities investor	Foreign investor	3,729,068	2,300,000	6,029,068	0.083%

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
15	KIM PMAA Vietnam Securities Investment Trust 1 (Equity)	CD6902	Professional securities investor	Foreign investor	-	500,000	500,000	0.007%
16	KIM Vietnam Equity Private Investment Trust 1	CE1750	Professional securities investor	Foreign investor	49,000	200,000	249,000	0.003%
17	Manulife (Vietnam) Company Limited	13 GP/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	-	14,800,000	14,800,000	0.203%
18	Manulife (Vietnam) Company Limited	CS9767	Professional securities investor	Foreign investor	-	200,000	200,000	0.003%
19	Vietnam Holding Limited	CS1077	Professional securities investor	Foreign investor	-	1,400,000	1,400,000	0.019%
20	Dynam Vietnam Sustainable Growth Fund	CD2065	Professional securities investor	Foreign investor	-	700,000	700,000	0.010%
21	Hanwha Life Insurance Vietnam Company Limited	51GP/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	-	170,000	170,000	0.002%
22	Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited	33/GPĐC13/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	-	130,000	130,000	0.002%
23	Prudential Vietnam Assurance Private Limited	15GP/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	10,276,498	8,167,000	18,443,498	0.253%

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
24	Eastspring Investments	CS5892	Professional securities investor	Foreign investor	21	263,000	263,021	0.004%
25	Vietnam Enterprise Investments Limited	C00003	Professional securities investor	Foreign investor	60,675,515	19,500,000	80,175,515	1.101%
26	Amersham Industries Limited	C00059	Professional securities investor	Foreign investor	775,000	19,500,000	20,275,000	0.279%
27	Hanoi Investments Holdings Limited	CB2317	Professional securities investor	Foreign investor	15,726,804	27,000,000	42,726,804	0.587%
28	Vietnam Selected Equity Investment Fund	31/GCN-UBCK	Professional securities investor	Domestic investor	-	8,000,000	8,000,000	0.110%
29	DC Dynamic Securities Investment Fund	05/GCN-UBCK	Professional securities investor	Domestic investor	-	12,300,000	12,300,000	0.169%
30	DC Focused Dividend Equity Fund	06/GCN-UBCK	Professional securities investor	Domestic investor	266,900	1,200,000	1,466,900	0.020%
31	Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]	CA7351	Professional securities investor	Foreign investor	2,000,851	800,000	2,800,851	0.038%
Total					140,275,108	258,703.293	398,978,401	5.48%

(*) The actual number of shares allocated to the Investor differs from the number initially planned under the Board of Directors' Resolution No. 92/NQ-BIDV dated February 6, 2026, as following the negotiation process, the Investor agreed to purchase fewer shares than originally expected.



REPORT

Results of the private placement of shares

To: State Securities Commission

I. INTRODUCTION OF THE ISSUING ORGANIZATION

1. Name of the issuing organization (*Full*): JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM
2. Abbreviation: BIDV
3. Head office address: BIDV Tower, No. 194 Tran Quang Khai, Hoan Kiem Ward, Hanoi City, Vietnam
4. Telephone: (84.24) 22205544 Fax: (84.24) 22200399
Website: www.bidv.com.vn
5. Charter capital: VND 70,213,619,170,000 (*according to Decision No. 1752/QĐ-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on April 15, 2025 regarding amendment of the Charter Capital in the License for establishment and operation of the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, and updated in the National Enterprise Registration Information System in accordance with Clause 1 Article 5 of Circular No. 34/2024/TT-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on June 30, 2024*).
6. Stock code: BID
7. Account opening bank: State Bank of Vietnam – Transaction Office
Account number: 111929
8. Enterprise Registration Certificate No. 0100150619 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment for the first time on April 3, 1993, and for the 28th amendment on January 3, 2024.
 - Main business line: Other monetary intermediation activities. (1) Receiving demand deposits, time deposits, savings deposits and other types of deposits; (2) Issuing certificates of deposit, promissory notes, treasury bills, bonds to mobilize capital domestically and internationally in accordance with the law; (3) Granting credit in the following forms: a) Loans; b) Discounting and rediscounting negotiable instruments and other valuable papers; c) Bank guarantees; d) Issuance of credit cards; d) Domestic factoring; international factoring; e) Other forms of credit extension after approval by the State Bank of Vietnam; (4) Opening payment accounts for customers; (5) Providing payment instruments; (6) Providing the following payment services: a) Domestic

payment services including cheques, payment orders, payment authorizations, collections, letters of credit, bank cards, collection and payment services; b) International payment services; c) Other payment services as approved by the State Bank of Vietnam; (7) Borrowing from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing in accordance with the law; (8) Borrowing from credit institutions and financial institutions domestically and internationally; (9) Opening accounts: a) Opening deposit accounts at the State Bank of Vietnam b) Opening payment accounts at other credit institutions c) Opening deposit and payment accounts abroad in accordance with foreign exchange regulations; (10) Organizing and participating in payment systems: a) Internal payment organization, participation in the national interbank payment system; b) Participation in international payment systems; (11) Contributing capital, purchasing shares of enterprises and other credit institutions; (12) Participating in treasury bill auctions, buying and selling negotiable instruments, government bonds, treasury bills, State Bank bills and other valuable papers on the money market; (13a) Trading and providing foreign exchange services in domestic and international markets within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam; (13b) Trading and providing interest rate derivatives; (14) Entrustment, receipt of entrustment, agency activities in fields related to banking operations, insurance business, asset management in accordance with the State Bank of Vietnam; (15) Other business activities of commercial banks: a) Cash management services, banking and financial advisory services; asset management, custody services, safe deposit box leasing; b) Corporate financial advisory, advisory on purchase, sale, merger, acquisition and investment consulting; c) Buying and selling government bonds, corporate bonds in accordance with the law; d) Providing money brokerage services; đ) Securities depository, gold trading and other banking-related activities as approved by the State Bank of Vietnam and in accordance with the law; e) Debt trading; g) Investment in government bond futures; i) Providing securities clearing and settlement services; k) Custodian bank services in accordance with securities law; (16) Providing commodity price derivatives.

Industry code: 6419

- Main products/services: conducting banking activities in accordance with the License for Establishment and Operation and the Enterprise Registration Certificate, including receiving demand deposits, time deposits, savings deposits and other types of deposits; issuing certificates of deposit, promissory notes, treasury bills, bonds to mobilize capital domestically and internationally; granting credit; opening payment accounts for customers; providing payment instruments; providing payment services; borrowing from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing; borrowing from credit institutions and financial institutions domestically and internationally; opening accounts; organizing and participating in payment systems; contributing capital, purchasing shares of enterprises and other credit institutions; participating in treasury bill auctions, buying and selling negotiable instruments, government bonds, treasury bills, State Bank bills and other valuable papers on the money

market; trading and providing foreign exchange services in domestic and international markets within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam; trading and providing interest rate derivatives; entrustment, receipt of entrustment, agency activities in fields related to banking operations, insurance business, asset management in accordance with the State Bank of Vietnam; other business activities of commercial banks such as cash management services, banking and financial advisory services; asset management, custody services, safe deposit box leasing; corporate financial advisory, advisory on purchase, sale, merger, acquisition and investment consulting; buying and selling government bonds, corporate bonds in accordance with the law; providing money brokerage services; securities depository, gold trading; debt trading; investment in government bond futures; providing commodity price derivatives; providing securities clearing and settlement services, custodian bank services and other business activities of commercial banks and other activities approved by the State Bank of Vietnam in accordance with the law.

9. License for establishment and operation: License for establishment and operation of a joint stock commercial bank No. 84/GP-NHNN dated April 23, 2012 and its amendments and supplements (Decision No. 2021/QĐ-NHNN dated October 13, 2015 on supplementing the License; Decision No. 2266/QĐ-NHNN dated October 27, 2017 on amending the License; Decision No. 842/QĐ-NHNN dated April 20, 2018 on supplementing the License; Decision No. 1166/QĐ-NHNN dated May 30, 2018 on amending and supplementing the License; Decision No. 1506/QĐ-NHNN dated September 27, 2021 on amending the head office address; Decision No. 155/QĐ-NHNN dated February 16, 2022 on amending charter capital; Decision No. 466/QĐ-NHNN on supplementing the License; Decision No. 2438/QĐ-NHNN dated December 26, 2023; Decision No. 115/QĐ-NHNN dated January 17, 2025; Decision No. 1752/QĐ-NHNN dated April 15, 2025 on amending charter capital; Decision No. 884/QĐ-QLGS2 dated May 13, 2025 on supplementing operating contents; Decision No. 2289/QĐ-QLGS2 dated September 5, 2025 on amending the License).

II. OFFERING PLAN

1. Share name: Shares of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
2. Share type: Ordinary shares with rights in accordance with the Law on Enterprises and the Bank's current Charter
3. Terms of warrants attached to preferred shares (*in case of offering preferred shares with warrants*): Not applicable
4. Number of shares offered: 263,328,293 shares.
5. Offering price:
 - Highest price: VND 38,900/share.
 - Lowest price: VND 38,900/share.

6. Transfer restriction period: Shares offered to professional securities investors shall be restricted from transfer and trading for 01 year from the end date of the offering, except for transfers between professional securities investors or in accordance with legally effective court judgments/decisions, arbitral awards, or inheritance as prescribed by law.
7. Total expected proceeds: VND 10,243,470,597,700.
8. End date of the offering: March 24, 2026

III. RESULTS OF THE SHARE OFFERING

1. Total number of shares distributed: 258,703,293 shares, equivalent to 98.24% of the total shares offered, of which:
 - Domestic investors: 142,770,293 shares;
 - Foreign investors, economic organizations with foreign investors holding over 50% of charter capital: 115,933,000 shares.
2. Selling price:
 - Lowest price: VND 38,900/share.
 - Highest price: VND 38,900/share.
 - Weighted average price: VND 38,900/share.
3. Total proceeds from the offering: VND 10,063,558,097,700.
4. Total estimated expenses: VND 42,645,649,808.
 - Estimated distribution fee (*if any*): VND 0.
 - Estimated other expenses (*if any*): VND 42,645,649,808.
5. Estimated net proceeds from the offering: VND 10,020,912,447,892 .

IV. LIST AND OWNERSHIP RATIO OF INVESTORS PARTICIPATING IN SHARE PURCHASE: As attached in the Appendix

V. Attached documents

1. Confirmation letter of Techcombank No. 262-2026/CSO-CS/TB dated 24/3/2026 on the amount collected from the private placement of shares of BIDV in the escrow account;
2. Resolution of the Board of Directors No./NQ-BIDV dated/3/2026 on approval of the results of the private placement of shares.

Hanoi, day month 3 year 2026

**BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT
OF VIETNAM, JSC
LEGAL REPRESENTATIVE
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**

Le Ngoc Lam

APPENDIX: LIST OF INVESTORS AND THEIR OWNERSHIP RATIO IN THE PRIVATE PLACEMENT

(attached Report on the Results of the private placement of shares dated March 25, 2026)

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
1	State Capital Investment Corporation (SCIC)	0101992921	Professional securities investor	Domestic investor	38,659,793	89,974,293	128,634,086	1.767%
2	VIAC (NO 1) LIMITED PARTNERSHIP	T10LP0056H	Professional securities investor	Foreign investor	153,912	6,688,000	6,841,912	0.094%
3	Oman Investment Authority	CD9225	Professional securities investor	Foreign investor	-	6,688,000	6,688,000	0.092%
4	DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund IV (USD) LP	CE2262	Professional securities investor	Foreign investor	-	2,700,000	2,700,000	0.037%
5	SSI Asset Management Company Limited (SSIAM), in which SSIAM receives entrustment from 02 entrusting investors to register for purchasing privately placed shares of BIDV, specifically:	102333992	Professional securities investor	Domestic investor	-	8,029,000 (*)	8,029,000	0.110%
5.1	<i>SSI Securities Corporation</i>	<i>301955155</i>	<i>Professional securities investor</i>	<i>Domestic investor</i>	<i>-</i>	<i>1,300,000</i>	<i>1,300,000</i>	<i>0.018%</i>
5.2	<i>WealthOne Technology Joint Stock Company</i>	<i>109861448</i>	<i>Professional securities investor</i>	<i>Domestic investor</i>	<i>-</i>	<i>6,729,000</i>	<i>6,729,000</i>	<i>0.092%</i>

¹ The number of shares prior to the offering is based on the shareholder list as of 31 December 2025 provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
6	SAIGON – HANOI INSURANCE CORPORATION (BSH)	CD9445	Professional securities investor	Foreign investor	-	400,000	400,000	0.005%
7	INSURANCE GROUP JOINT STOCK COMPANY (DBV)	CD8304	Professional securities investor	Foreign investor	-	200,000	200,000	0.003%
8	Principal Asset Management Co., Ltd	CB0602	Professional securities investor	Foreign investor	-	3,000,000	3,000,000	0.041%
9	Tianhong Vietnam Thematic Fund (QDII)	CC3387	Professional securities investor	Foreign investor	1,935,323	2,000,000	3,935,323	0.054%
10	Darasol Investments Limited	CD1749	Professional securities investor	Foreign investor	-	13,400,000	13,400,000	0.184%
11	KITMC Worldwide China Vietnam Fund	CS2812	Professional securities investor	Foreign investor	45,000	94,000	139,000	0.002%
12	KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	CS2103	Professional securities investor	Foreign investor	2,487,255	2,200,000	4,687,255	0.064%
13	KIM Vietnam Growth Equity Fund	CA8602	Professional securities investor	Foreign investor	3,494,168	6,200,000	9,694,168	0.133%
14	TMAM Vietnam Equity Mother Fund	CB7291	Professional securities investor	Foreign investor	3,729,068	2,300,000	6,029,068	0.083%

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
15	KIM PMAA Vietnam Securities Investment Trust 1 (Equity)	CD6902	Professional securities investor	Foreign investor	-	500,000	500,000	0.007%
16	KIM Vietnam Equity Private Investment Trust 1	CE1750	Professional securities investor	Foreign investor	49,000	200,000	249,000	0.003%
17	Manulife (Vietnam) Company Limited	13 GP/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	-	14,800,000	14,800,000	0.203%
18	Manulife (Vietnam) Company Limited	CS9767	Professional securities investor	Foreign investor	-	200,000	200,000	0.003%
19	Vietnam Holding Limited	CS1077	Professional securities investor	Foreign investor	-	1,400,000	1,400,000	0.019%
20	Dynam Vietnam Sustainable Growth Fund	CD2065	Professional securities investor	Foreign investor	-	700,000	700,000	0.010%
21	Hanwha Life Insurance Vietnam Company Limited	51GP/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	-	170,000	170,000	0.002%
22	Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited	33/GPĐC13/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	-	130,000	130,000	0.002%
23	Prudential Vietnam Assurance Private Limited	15GP/KDBH	Professional securities investor	Domestic investor	10,276,498	8,167,000	18,443,498	0.253%

No.	Name of Investors	Enterprise Registration Certificate No.	Investor category		Shares owned prior to the offering (shares) ¹	Shares expected to be allocated (shares)	Total number of shares after the offering (shares)	Ownership ratio after the offering (%)
			Strategic investor / Professional securities investor	Foreign investor /Economic organization with foreign investors holding more than 50% of charter capital/ Domestic investor				
24	Eastspring Investments	CS5892	Professional securities investor	Foreign investor	21	263,000	263,021	0.004%
25	Vietnam Enterprise Investments Limited	C00003	Professional securities investor	Foreign investor	60,675,515	19,500,000	80,175,515	1.101%
26	Amersham Industries Limited	C00059	Professional securities investor	Foreign investor	775,000	19,500,000	20,275,000	0.279%
27	Hanoi Investments Holdings Limited	CB2317	Professional securities investor	Foreign investor	15,726,804	27,000,000	42,726,804	0.587%
28	Vietnam Selected Equity Investment Fund	31/GCN-UBCK	Professional securities investor	Domestic investor	-	8,000,000	8,000,000	0.110%
29	DC Dynamic Securities Investment Fund	05/GCN-UBCK	Professional securities investor	Domestic investor	-	12,300,000	12,300,000	0.169%
30	DC Focused Dividend Equity Fund	06/GCN-UBCK	Professional securities investor	Domestic investor	266,900	1,200,000	1,466,900	0.020%
31	Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]	CA7351	Professional securities investor	Foreign investor	2,000,851	800,000	2,800,851	0.038%
Total					140,275,108	258,703.293	398,978,401	5.48%

(*) The actual number of shares allocated to the Investor differs from the number initially planned under the Board of Directors' Resolution No. 92/NQ-BIDV dated February 6, 2026, as following the negotiation process, the Investor agreed to purchase fewer shares than originally expected.



No.: 1898/TB-BIDV

Hanoi, day 25 month 3 year 2026

NOTICE OF CHANGE IN THE NUMBER OF VOTING SHARES

To:

- State Securities Commission
- Vietnam Exchange
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Hanoi Stock Exchange

- Organization name: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- Ticker symbol: BID
- Head office address: BIDV Tower, No. 194 Tran Quang Khai, Hoan Kiem Ward, Hanoi City, Vietnam
- Telephone: (84.24) 22205544 Fax: (84.24) 22200399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn
- Website: www.bidv.com.vn

No.	Content	Before change	Change	After change	Reason for change
1	Charter capital (VND)	70,213,619,170,000	2,587,032,930,000	72,800,652,100,000	BIDV completed the private placement of shares
2	Total number of shares	7,021,361,917	258,703,293	7,280,065,210	
3	Treasury shares	-	-	-	
4	Number of voting shares	7,021,361,917	258,703,293	7,280,065,210	
5	Preferred shares/others (if any)	-	-	-	

Recipients: ... copies

- As above;
- Filed: Archives, Secretariat & IR

**LEGAL REPRESENTATIVE
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**

Le Ngoc Lam